

Bản án số: 115/2019/HS-ST
Ngày 05 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Đường

Ông Dương Viết Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyên Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2019/TLST-HS, ngày 08 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên **Nông Văn T**, sinh năm: 1995.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn H, sinh năm 1971 và bà: Vương Thị T (đã chết); Vợ: chưa có; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ 03; Tiền án: Ngày 25/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2019 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ và lưu giam Công an huyện P.

(Có mặt)

- Bị hại: Bà Chương Thị P, sinh năm: 1966.

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Người làm chứng:*

Anh Vi Văn T, sinh năm: 1996.

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Anh Lê Văn H, sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Anh Lâm Văn S, sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Phố C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Anh Hoàng Văn H, sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/6/2019, Nông Văn T, sinh năm 1995, trú tại xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên một mình đi từ nhà sang nhà bà Chương Thị P là người cùng xóm với mục đích mượn xe mô tô nhà bà P để đi mua đồ cá nhân. Khi đến thì bà P không ở nhà, T nhìn thấy ở sân nhà bà P có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20P1-1676 màu đen trắng, chìa khóa điện của xe vẫn cắm ở ổ khóa (chiếc xe này là của anh Vi Văn V, con trai bà P đi làm ăn xa nên để ở nhà cho bà P quản lý, sử dụng). T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của bà P để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Để thực hiện ý định, T đi lại gần chiếc xe mô tô mở khóa điện, dắt xe ra cổng rồi ngồi lên xe điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ. Khi thấy T đi từ nhà bà P đi ra, anh Vi Văn T (là hàng xóm của bà P và T) đang làm ruộng ở ven đường, nghi T đã trộm cắp xe nên có đi tìm bà P để hỏi (lúc này bà P đang mua hàng tạp hóa cách nhà khoảng 150 mét) thì được bà P cho biết là không cho ai mượn xe và quay về nhà kiểm tra thì phát hiện xe đã bị mất.

Anh T liền cùng anh Hoàng Văn H chở nhau bằng xe mô tô đi tìm. Trên đường đi, anh H gọi điện cho anh Lâm Văn S nhà ở Phố C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thông báo về việc nhà bà P bị mất xe và nhờ anh S quan sát trên đoạn đường qua nhà anh S xem có ai điều khiển xe mô tô có đặc điểm như xe của bà P bị mất hay không. Anh S đứng ra đường quan sát khoảng 5 phút sau thì phát hiện T điều khiển xe theo hướng từ xóm B, xã T đi ra. Anh S chặn xe và yêu cầu T quay về trả xe cho bà P. T đồng ý, trên đường đi về thì gặp anh H và

anh H, cả hai yêu cầu T cùng quay lại nhà văn hóa xóm B để giải quyết. Vụ việc được bà P trình báo đến Công an xã T và Công an huyện P. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ chiếc xe mô tô do T trộm cắp của bà P và đưa T cùng vật chứng về Công an huyện Phú B để giải quyết.

Ngày 18/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P yêu cầu định giá tài sản để xác định giá trị chiếc xe mô tô do Nông Văn T trộm cắp của bà P. Tại bản kết luận định giá tài sản số 31 ngày 18/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Bình kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20P1-1676 do Nông Văn T trộm cắp của bà P có giá trị là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra, Nông Văn T đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của bà P như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 121/CT-VKS-PB ngày 07/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố Nông Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra và khẳng định: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/6/2019, T một mình đi từ nhà sang nhà bà Chương Thị P là người cùng xóm với mục đích mượn xe mô tô nhà bà P để đi mua đồ cá nhân. Khi đến thì bà P không ở nhà, T nhìn thấy ở sân nhà bà P có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20P1-1676 màu đen trắng và chìa khóa điện của xe vẫn cắm ở ổ khóa để ở nhà. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của bà P để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trên đường đi tiêu thụ thì bị anh S chặn xe và yêu cầu T quay về trả xe cho bà P.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, kết luận giữ quan điểm truy tố và đề nghị với Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nông Văn T từ 30 đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án cơ quan Cảnh sát điều tra huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bà P chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20P1- 1676 để quản lý, sử dụng

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng: của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/6/2019, tại nhà bà Chương Thị P, sinh năm 1966 ở xóm B, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Nông Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20P1- 1676 với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, nhưng chưa kịp đem đi tiêu thụ thì bị phát hiện và bị Công an thu giữ vật chứng nêu trên. Trị giá tài sản mà bị cáo T trộm cắp là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Như vậy, hành vi của Nông Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về

tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 25/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội, tỏ ra coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bà Pai chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 20P1- 1676 để quản lý, sử dụng.

[9] Trách nhiệm dân sự: Bị hại bà P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, ra Quyết định tạm giam bị cáo Nông Văn T với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[11] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Khoản 2 Điều 136, Điều 326, Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt Nông Văn T **02** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2019.

3. Về tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra Quyết định tạm giam bị cáo Nông Văn Toàn với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo T, bị hại (bà P) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CCTHA-DS huyện P;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung